

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2021/HNGĐ-ST

Ngày 27 tháng 8 năm 2021

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con giữa chị
X, anh D*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Huy Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tụ

2. Ông Nguyễn Văn Diệu

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2021/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXX-ST ngày 26/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11/8/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị X, sinh năm 1984

Đăng ký HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Chị X có mặt, anh D vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn chị Nguyễn Thị X có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về hôn nhân: Chị kết hôn với anh Đỗ Văn D trên cơ sở tự do tự nguyện tìm hiểu

và đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình anh D ở thôn Đ, xã Đ, huyện Q. Quá trình chung sống, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau ngoài ra thì anh chị không hòa hợp trong sinh hoạt vợ chồng. Chị X thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được chị xin được ly hôn anh Đỗ Văn D.

Về con chung: Chị X xác nhận chị và anh Đỗ Văn D có 03 con chung là Đỗ Thị Ánh T, sinh ngày 17/8/2004, Đỗ Thị Yến Nh, sinh ngày 27/6/2011 và Đỗ Văn Đ, sinh ngày 08/11/2019. Khi ly hôn chị X xin được nuôi dưỡng cháu Đỗ Thị Yến Nh và Đỗ Văn Đ và Đỗ Thị Ánh T. Anh D không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hiện chị X không có thai nghén gì.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị X trình bày vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Đỗ Văn D vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Tại biên bản xác minh với ông Đỗ Văn T (là bố đẻ anh D), địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình, ông T trình bày: Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị X, anh Đỗ Văn D như chị X trình bày là đúng. Quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như thế nào gia đình ông không nắm được. Ông chỉ biết hiện vợ chồng anh D chị X đang có mâu thuẫn với nhau, vợ chồng tuy sống chung 01 nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nay chị X xin ly hôn, gia đình đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Vợ chồng chị X, anh D có 03 con chung là Đỗ Thị Ánh T, sinh ngày 17/8/2004, Đỗ Thị Yến Nh, sinh ngày 27/6/2011 và Đỗ Văn Đ, sinh ngày 08/11/2019 đúng như chị X trình bày. Ly hôn gia đình ông không có ý kiến gì vì đây là việc riêng của vợ chồng anh D chị X; Về tài sản chung, nợ chung: Ông không nắm rõ vì vợ chồng đã ra ở riêng.

Ông T cũng trình bày thêm hiện nay anh D đi làm ăn xa, địa chỉ cụ thể như thế nào ông không nắm rõ, anh D vẫn liên lạc về gia đình và khi gia đình có công việc anh vẫn về. Ông đã nhận các văn bản tố tụng mà Tòa án gửi cho anh D và đã thông báo đầy đủ cho anh D biết. Quan điểm của anh D là chị X suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con cái. Trường hợp chị X cương quyết ly hôn anh cũng đành chấp nhận ly hôn. Về con chung anh D có quan điểm nếu chị X nuôi dưỡng được 03 con chung thì anh đồng ý để cho chị được tiếp tục nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con anh D không nói cho ông biết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa nên không phát biểu về việc chấp hành pháp luật của bị đơn tại phiên tòa. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giải quyết theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Nguyễn Thị X và anh Đỗ Văn D thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Đỗ Văn D có địa chỉ cư trú tại xã Đ, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương nhưng vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, không cung cấp cho nguyên đơn biết địa chỉ hiện nay ở đâu là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc thu thập được tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung và địa chỉ của bị đơn. Vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của chị X, anh D được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 07/10/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 12 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, hay cãi nhau ngoài ra thì vợ chồng không hòa hợp trong sinh hoạt vợ chồng. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào tháng 4/2021 chị X và anh D đã sống ly thân và không quan tâm chăm sóc đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được

tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, biết được việc chị X xin ly hôn nhưng anh D không trực tiếp đến Tòa án trình bày quan điểm. Điều đó chứng tỏ anh D không có thiện chí hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị X, anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị X được ly hôn anh D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị X, anh D có 03 con chung là Đỗ Thị Ánh T, sinh ngày 17/8/2004, Đỗ Thị Yến Nh, sinh ngày 27/6/2011 và Đỗ Văn Đ, sinh ngày 08/11/2019. Ly hôn, chị X có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung Đỗ Thị Ánh T; Đỗ Thị Yến Nh và Đỗ Văn Đ. Chị X không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị, anh D thông qua gia đình nêu điểm nếu chị X nuôi dưỡng được 03 con chung thì anh đồng ý để cho chị được nuôi dưỡng. Xét thấy, nguyện vọng nuôi con của chị X là chính đáng. Hiện con chung Đỗ Thị Ánh T; Đỗ Thị Yến Nh và Đỗ Văn Đ đang ở cùng với chị X được chị chăm sóc chu đáo. Bản thân chị X có việc làm và thu nhập ổn định nên để ổn định môi trường sống cho con chung cần giao con chung Đỗ Thị Ánh T; Đỗ Thị Yến Nh và Đỗ Văn Đ cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị X không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh D không có ý kiến trình bày nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị X phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị X được ly hôn anh Đỗ Văn D.

2. *Về con chung:* Giao chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đỗ Thị Ánh T, sinh ngày 17/8/2004; Đỗ Thị Yến Nh, sinh ngày 27/6/2011 và Đỗ Văn Đ, sinh ngày 08/11/2019 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Chị X không yêu cầu anh D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con

chung. Anh Đỗ Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Chị X, anh D có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không đặt ra để giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị X phải nộp 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0004419 ngày 18/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình. Chị X đã nộp đủ tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27 tháng 8 năm 2021). Anh Đỗ Văn D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ(nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Huy Hoàng